

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Hà Quốc K**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, anh K đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Quốc K tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/02/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn càng thẳng và sống ly thân, chị vẫn ở nhà bố mẹ anh K nhưng vợ chồng không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Quốc K.

Về con chung: Chị và anh Hà Quốc K có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 04/11/2007 và Hà Bảo C, sinh ngày 25/9/2010. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai của bà Ngô Thị H là mẹ đẻ của anh Hà Quốc K thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn như Chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng với gia đình bà ở phường H, thành phố T sau chuyển về thôn H, xã Đ, thành phố T. Đến tháng 4 năm 2019, anh K vào miền nam làm ăn, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình bà có hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa thuận được. Đến nay Chị L có đơn xin ly hôn với anh K, bà mong muốn anh K và Chị L về đoàn tụ, chăm lo cho các con. Chị L vẫn có quan điểm ly hôn với anh K thì gia đình bà không có ý kiến gì. Về con chung: Anh K và Chị L có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 04/11/2007 và Hà Bảo C, sinh ngày 25/9/2010, do các cháu có nguyện vọng ở với Chị L nên bà đồng ý để Chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, gia đình bà và anh K sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cho 02 cháu. Về phần tài sản chung: Anh K và Chị L không có tài sản chung, không cho ai vay chung, không nợ chung ai. Anh K và Chị L không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình bà. Hiện nay anh K đi làm ăn xa. Khi gia đình bà nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo ngay cho anh K, anh K có nói lại là Chị L xin ly hôn anh không có ý kiến gì, hiện nay anh K bận

không đến Tòa án được. Bà đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng của anh K về cho gia đình bà, bà cam kết sẽ giao ngay cho anh K.

* Tại Biên bản xác minh với Trưởng thôn Hồng Phong, xã Đông Thọ thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như Chị L trình bày. Từ tháng 4/2019 anh K vào Miền Nam làm ăn tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay Chị L có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như Chị L trình bày, Chị L và anh K đều đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho Chị L được ly hôn anh K. Ly hôn, giao cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là Hà Minh C, và Hà Bảo C. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cũng không đến Tòa án, không trình bày ý kiến. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp

dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, Xét thấy hôn nhân giữa Chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L, cho Chị L được ly hôn anh K.

[4] Về quan hệ con cái: Chị Bùi Thị L và anh Hà Quốc K có 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 04/11/2007 và Hà Bảo C, sinh ngày 25/9/2010. Hai cháu có nguyện vọng ở với Chị L, anh K không có quan điểm về việc nuôi con, Chị L có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị L, giao cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh K không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hà Quốc K.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Minh C, sinh ngày 04/11/2007 và Hà Bảo C, sinh ngày 25/9/2010. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Hà Quốc K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Hà Quốc K, chị Bùi Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000459 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Bùi Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L, anh Hà Quốc K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình;

- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày 06/02/2007)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương